

Số: 190 /CV-CT

V/v: Giải trình thông tin trên BCTC năm 2015

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2016

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.**

Công ty niêm yết: **Công ty cổ phần COMA18**

Địa chỉ: Số 135 Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 04. 3544667

Fax: 04. 3544667

Mã chứng khoán: CIG

Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính Công ty cổ phần COMA18 đã nộp Báo cáo tài chính tổng hợp và văn phòng năm 2015 theo quy định, Công ty cổ phần COMA18 xin giải trình như sau:

Do đơn vị kiểm toán chưa cập nhật thông tin HĐQT và Ban giám đốc, ngày cấp đăng ký kinh doanh lần thứ 17, địa chỉ văn phòng công ty và Chi nhánh XL công nghiệp và giao thông. Nên báo cáo tài chính được sửa lại là bản công bố ngày 07/4/2016 là bản chính thức, thay thế cho bản báo cáo công bố lần một ngày 01/4/2016. Vậy Công ty cổ phần COMA18 (mã chứng khoán CIG) báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh được biết.

Kính trình báo cáo Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu VPCT, P. TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Huy Lân

**CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Coma 18 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Coma 18 (gọi tắt “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2102/QĐ-BXD ngày 11/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 21/12/2005. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236860 ngày 21/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 17 ngày 25/06/2015.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: CIG

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty tại Số 135 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Huy Lân	Chủ tịch HĐQT
	Ông Trần Như Hưng	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên
	Ông Bùi Quang Đông	Thành viên
	Bà Phạm Thị Hiền	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Văn phòng Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Lê Huy Lân	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc ((chuyên công tác ngày 19/8/2015)
	Ông Lê Thiết Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Quang Đông	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 14/10/2015)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Văn phòng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty để Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty .

Ban Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Huy Lân

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số: 353/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Văn phòng Công ty Cổ phần Coma 18

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Coma 18

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Coma 18 được lập ngày 31 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư tại ngày 31/12/2015 của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Westa là 244,2 tỷ đồng (tại thuyết minh 5.6), hiện dự án này chưa được quyết toán vốn đầu tư và xác định phương án kinh doanh cho phần tài sản của chủ đầu tư của dự án nên việc xác định doanh thu còn được thu hồi và lãi lỗ của dự án chưa được xác định. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về các khoản mục này và ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính Văn phòng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Coma 18 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 02 năm 2015 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		421.595.928.063	389.526.515.205
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.036.250.215	8.917.128.151
1. Tiền	111		1.874.250.215	4.605.128.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.162.000.000	4.312.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.954.139.492	94.663.798.444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	42.066.822.843	39.056.464.069
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	6.627.399.516	5.110.388.370
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		50.869.157.771	26.550.555.171
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	30.740.575.061	29.296.206.533
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(5.349.815.699)	(5.349.815.699)
IV. Hàng tồn kho	140		290.605.538.356	285.945.588.610
1. Hàng tồn kho	141	5.6	290.605.538.356	285.945.588.610
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.437.286.336	44.702.312.856
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.740.000.000	4.740.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	4.740.000.000	4.740.000.000
II. Tài sản cố định	220		8.757.041.517	9.895.668.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	8.757.041.517	9.828.168.393
- Nguyên giá	222		30.075.112.519	29.509.890.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.318.071.002)	(19.681.722.046)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	67.500.000
- Nguyên giá	228		675.000.000	675.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(675.000.000)	(607.500.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	20.235.705.391	20.321.304.531
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		10.036.923.716	9.953.244.261
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.198.781.675	10.368.060.270
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.488.526.311	6.000.000.000
3. Đầu tư tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.9	6.000.000.000	6.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.511.473.689)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.216.013.117	3.745.339.932
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.216.013.117	3.745.339.932
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		460.033.214.399	434.228.828.061
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		429.765.675.930	377.487.247.648
I. Nợ ngắn hạn	310		335.455.073.811	230.087.247.648
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	92.465.269.683	89.296.794.206
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	29.117.952.922	27.574.162.836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	36.637.429.893	33.335.480.053
4. Phải trả người lao động	314		1.098.491.981	970.675.928
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	39.195.675.383	24.452.910.145
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	3.533.777.988	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	89.318.501.062	31.605.957.620
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	44.094.190.472	22.838.622.433
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(6.215.573)	12.644.427
II. Nợ dài hạn	330		94.310.602.119	147.400.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	94.310.602.119	147.400.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		30.267.538.469	56.741.580.413
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	30.267.538.469	56.741.580.413
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		134.399.470.000	134.399.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		134.399.470.000	134.399.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.584.000.000	7.584.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.562.992.494	2.562.992.494
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(121.187.688.025)	(87.804.882.081)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(88.839.348.170)	(25.889.842.187)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(32.348.339.855)	(61.915.039.894)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		6.908.764.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		460.033.214.399	434.228.828.061

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đinh Thị Thanh Thúy

Nguyễn Thị Phương Anh

Lê Huy Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	88.105.969.722	174.471.161.729
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		88.105.969.722	174.471.161.729
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	92.205.433.952	222.554.453.142
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(4.099.464.230)	(48.083.291.413)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	200.870.943	172.863.444
7. Chi phí tài chính	22	5.22	2.737.719.259	314.485.655
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		226.245.570	314.485.655
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	2.024.642.794	1.687.704.181
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	14.002.669.852	13.103.648.873
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(22.663.625.192)	(63.016.266.678)
11. Thu nhập khác	31		1.882.136.477	2.516.320.355
12. Chi phí khác	32		11.038.584.491	1.415.093.571
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	(9.156.448.014)	1.101.226.784
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(31.820.073.206)	(61.915.039.894)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	528.266.649	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(32.348.339.855)	(61.915.039.894)

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đinh Thị Thanh Thúy

Nguyễn Thị Phương Anh

Lê Huy Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(31.820.073.206)	(61.915.039.894)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.939.800.078	1.920.813.067
- Các khoản dự phòng	03		2.511.473.689	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		200.870.943	172.863.444
- Chi phí lãi vay	06		226.245.570	314.485.655
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(26.941.682.926)	(59.506.877.728)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.290.341.048)	2.546.894.313
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.743.629.201)	71.689.967.923
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		89.510.310.482	29.788.876.937
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.529.326.815	(1.451.921.524)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(93.229.957)	(389.917.967)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(500.000.000)	(74.662.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.470.754.165	42.602.359.567
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(868.673.202)	(445.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	70.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		150.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		200.870.943	172.863.444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(517.802.259)	(202.636.556)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		47.527.852.119	14.442.065.481
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(79.361.681.961)	(56.433.774.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.833.829.842)	(41.991.709.415)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(2.880.877.936)	408.013.596
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.917.128.151	8.509.114.555
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.036.250.215	8.917.128.151

Năm 2014 Công ty lập lại Lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng





Đinh Thị Thanh Thúy

Nguyễn Thị Phương Anh

Lê Huy Lân

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Coma 18 (gọi tắt “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2102/QĐ-BXD ngày 11/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 21/12/2005. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236860 ngày 21/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 17 ngày 25/06/2014.

Tên viết tắt là: CIG

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: CIG

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty tại Số 135 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2015 (VND)	Tỷ lệ sở hữu %
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	6.854.400	68.544.000.000	51
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	6.585.547	65.855.470.000	49
Tổng	13.439.947	134.399.470.000	100

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản và dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bến cảng, công trình kiến trúc hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện;
- Xây dựng cầu cảng, bến cảng, đê điều, cầu cống; Vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách, hàng hóa đường thủy nội địa; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Bán buôn đồ uống; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Kinh doanh bãi đỗ xe tĩnh (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế kiến trúc và thiết kế quy hoạch các công trình xây dựng. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán); Đào tạo dạy nghề: điện, điện tử, tin học; Đào tạo đại học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xử lý chất thải (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật); Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật); Kinh doanh xăng dầu; Khai thác, kinh doanh nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Kinh doanh vận tải đường bộ.
- Tư vấn đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án xây dựng (chỉ thiết kế và giám sát trong phạm vi các thiết kế và giám sát đã đăng ký kinh doanh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh thương mại chỉ gồm có các ngành nghề sau: nguyên vật liệu phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp; nguyên phụ liệu, phục vụ mạ kẽm nhúng nóng; máy móc thiết bị công nghiệp, máy động lực, máy thi công; các dây chuyền sản xuất công nghiệp; Đào tạo nghề cơ khí, lái xe.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; Kinh doanh dịch vụ du lịch như: kinh doanh du lịch lữ hành, hướng dẫn du lịch, kinh doanh các khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Lắp ráp sửa chữa ô tô các loại; Lắp đặt máy móc thiết bị và chuyên giao công nghệ cơ khí động lực, điện lực và điện tử; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị nâng hạ, cột Viba; Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị và công nghệ;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, chế tạo cơ khí, thiết bị vật liệu và phụ kiện, gia công cấu kiện bê tông phục vụ các ngành điện, xây dựng và công nghiệp khác.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô .

Hoạt động chính của Văn phòng Công ty trong năm 2015 là Đầu tư Xây dựng Dự án kinh doanh Bất động sản và Cung cấp hàng hóa dịch vụ.

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT- BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 /2014/TT — BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Văn phòng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Văn phòng Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính văn phòng cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty kèm theo được lập cho năm tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Văn phòng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Cơ sở lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

TSCĐ vô hình là Giá trị thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong năm 2015, có 14.656.327.805 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí trích trước các công trình.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bất động sản

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm cơ khí, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	473.276.272	348.604.865
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.400.973.943	4.256.523.286
Các khoản tương đương tiền	4.162.000.000	4.312.000.000
Tổng	6.036.250.215	8.917.128.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	42.066.822.843	39.056.464.069
Công ty 36.67	10.466.795.196	10.466.795.196
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty Xi măng Quảng Trị	5.112.293.958	5.112.293.958
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	3.852.129.000	4.152.129.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp	2.789.153.600	2.789.153.600
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	1.703.314.119	1.703.314.119
Đội Xây dựng Giao thông Thủy lợi	1.700.388.902	1.700.388.902
Công ty CP Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam	470.000.000	1.386.200.000
BQL Dự án CT 17	1.380.643.602	1.380.643.602
Công ty 36.68	-	1.260.785.619
Các khoản phải thu khác của khách hàng	14.592.104.466	9.104.760.073
Tổng	42.066.822.843	39.056.464.069

5.3 NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Tổng giá trị các khoản phải thu, tạm ứng và phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	30.958.872.254	25.609.056.555	30.958.872.254	25.609.056.555

(*): Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ quá hạn bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

5.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.627.399.516	5.110.388.370
Công ty CP Tư vấn Xây dựng CN&ĐT Việt Nam	715.661.996	480.000.600
Trung tâm GPMB và môi trường đô thị	479.000.000	479.000.000
Công ty CP Xây dựng Đô thị Hòa Phú	-	428.189.400
Công ty TNHH Bình Yên	-	414.209.033
Công ty CP Sơn và Xây dựng Đồng Tiến	-	364.551.448
Trung tâm Tư vấn và Công nghệ Môi trường	314.928.500	314.928.500
Công ty CP Công nghiệp SHM	-	292.200.000
Công ty cổ phần kỹ thuật ELCOM	674.995.000	-
Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	556.768.000	7.038.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	3.886.046.020	2.330.271.389
Tổng	6.627.399.516	5.110.388.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC, DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	30.740.575.061		29.296.206.533	
Tạm ứng	17.767.529.455	-	17.452.461.791	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	506.645.471	-	572.491.375	-
Ông Hữu - Chi nhánh TP HCM	9.342.968.444	-	9.342.968.444	-
Ông Bình - Chi nhánh Hưng Yên	741.308.931	-	741.308.931	-
Trung tâm Tư vấn & PT các dự án	666.959.891	-	666.959.891	-
Phải thu khác	1.715.162.869	-	520.016.101	-
b) Dài hạn	4.740.000.000		4.740.000.000	
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn hạn	4.740.000.000	-	4.740.000.000	-
Tổng	35.480.575.061	-	34.036.206.533	-

5.6 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	444.434.526	-	444.434.526	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	290.139.466.855	-	285.479.517.109	-
Thành phẩm	21.636.975	-	21.636.975	-
Tổng	290.605.538.356	-	285.945.588.610	-

(*): Trong đó dự án tòa nhà Westa tại thời điểm 31/12/2015 là 244.203.140.234 đồng

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	7.467.132.254	14.946.706.979	6.752.633.454	343.417.752	29.509.890.439
Tăng trong năm	249.673.656	618.999.546	-	-	868.673.202
Mua trong năm	-	618.999.546	-	-	618.999.546
Đầu tư XD/CB hoàn thành	249.673.656	-	-	-	249.673.656
Giảm trong năm	303.451.122	-	-	-	303.451.122
Giảm do trả lại nhà 2 tầng	303.451.122	-	-	-	303.451.122
Số dư tại 31/12/2015	<u>7.413.354.788</u>	<u>15.565.706.525</u>	<u>6.752.633.454</u>	<u>343.417.752</u>	<u>30.075.112.519</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	4.335.806.545	9.375.431.403	5.735.123.100	235.360.998	19.681.722.046
Tăng trong năm	318.404.373	1.237.007.881	337.686.297	46.701.527	1.939.800.078
Khấu hao trong năm	318.404.373	1.237.007.881	337.686.297	46.701.527	1.939.800.078
Giảm trong năm	303.451.122	-	-	-	303.451.122
Giảm do trả lại nhà 2 tầng	303.451.122	-	-	-	303.451.122
Số dư tại 31/12/2015	<u>4.350.759.796</u>	<u>10.612.439.284</u>	<u>6.072.809.397</u>	<u>282.062.525</u>	<u>21.318.071.002</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	<u>3.131.325.709</u>	<u>5.571.275.576</u>	<u>1.017.510.354</u>	<u>108.056.754</u>	<u>9.828.168.393</u>
Tại 31/12/2015	<u>3.062.594.992</u>	<u>4.953.267.241</u>	<u>679.824.057</u>	<u>61.355.227</u>	<u>8.757.041.517</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 7.603.350.639 đồng (tại ngày 31/12/2014 là: 8.673.457.864 đồng).

5.8 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	10.036.923.716	10.036.923.716	9.953.244.261	9.953.244.261
Dự án KCN Nhuận Trạch - Hòa Bình	3.296.814.255	3.296.814.255	3.254.904.255	3.254.904.255
Dự án KCN Kim Thành - Hải Dương	2.182.585.684	2.182.585.684	2.182.585.684	2.182.585.684
Dự án Đô thị Nam Dương - Đà Nẵng	4.557.523.777	4.557.523.777	4.515.754.322	4.515.754.322
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.198.781.675	10.198.781.675	10.368.060.270	10.368.060.270
Xưởng duy tu máy móc thiết bị - CN Thanh Oai	10.198.781.675	10.198.781.675	10.368.060.270	10.368.060.270
Tổng	<u>20.235.705.391</u>	<u>20.235.705.391</u>	<u>20.321.304.531</u>	<u>20.321.304.531</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18 - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.9 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠNĐơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2015		01/01/2015			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác	3.488.526.311	3.488.526.311	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	2.988.526.311	2.988.526.311	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Comare	500.000.000	500.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên Công ty đầu tư dài hạn	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ động chính	Hoạt
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, TT Thạnh Mỹ - Huyện Nam Giang - Quảng Nam	1,52%	1,52%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dài hạn	1.216.013.117	3.745.339.932
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	309.027.163	829.432.600
Tiền thuê đất 50 năm tại Bích Hòa	667.134.953	667.134.953
Chi phí khác	239.851.001	2.248.772.379
Tổng	1.216.013.117	3.745.339.932

5.11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	92.465.269.683	92.465.269.683	89.296.794.206	89.296.794.206
Tổng Công ty 36	64.868.164.954	64.868.164.954	44.982.930.954	44.982.930.954
Công ty TNHH HAWEE Cơ điện	5.725.523.566	5.725.523.566	8.111.477.566	8.111.477.566
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Vay khác	-	-	3.349.607.119	3.349.607.119
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Phụ phí	3.383.309.842	3.383.309.842	3.383.309.842	3.383.309.842
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Lãi vay	-	-	10.229.532.090	10.229.532.090
Công ty TNHH Sản xuất TM Việt Pháp	1.587.390.471	1.587.390.471	3.437.390.471	3.437.390.471
Công ty CP Cơ điện Đoàn Nhất	1.636.832.235	1.636.832.235	2.647.456.055	2.647.456.055
Công ty CP Cơ điện Miền Trung	1.196.254.131	1.196.254.131	1.196.254.131	1.196.254.131
Công ty TNHH MTV XD&TM Lê Nguyễn	1.249.182.938	1.249.182.938	915.357.019	915.357.019
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật	1.830.803.411	1.830.803.411	1.519.193.390	1.519.193.390
Công ty Đầu tư XD và XNK Việt Nam	1.061.709.000	1.061.709.000	1.061.709.000	1.061.709.000
Phải trả các đối tượng khác	9.926.099.135	9.926.099.135	8.462.576.569	8.462.576.569
Tổng	92.465.269.683	92.465.269.683	89.296.794.206	89.296.794.206

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18 - VĂN PHÒNG CÔNG TY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	29.117.952.922	27.574.162.836
Công ty Dược phẩm Braun Hà Nội	19.656.000.000	7.755.806.182
Công ty CP Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp	-	2.148.486.780
Công ty TNHH FTC Tung Shing	-	1.677.648.000
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công trình Fomosa	1.211.434.407	1.364.299.115
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công trình Trung tâm Hội nghị Quốc Gia	1.122.405.509	1.122.405.509
Công ty TNHH phát triển Bắc Việt	2.500.000.000	-
Tổng Công ty xây dựng Hà Nội - CTCP	2.270.509.420	-
Người mua trả tiền trước khác	2.357.603.586	13.505.517.250
Tổng	29.117.952.922	27.574.162.836

5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
Thuế giá trị gia tăng	4.100.383.713	2.688.331.267	3.688.000.000	3.100.714.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.644.985.219	528.266.649	500.000.000	4.673.251.868
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.304.441	-	1.304.441
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	388.726.000	401.898.000	-	790.624.000
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	24.201.385.121	3.874.149.483	4.000.000	28.071.534.604
Tổng	33.335.480.053	7.493.949.840	4.192.000.000	36.637.429.893

5.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	39.195.675.383	24.452.910.145
Trích trước chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	-	9.418.274.234
Trích trước chi phí các công trình	39.195.675.383	15.034.635.911
Tổng	39.195.675.383	24.452.910.145

5.15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	89.318.501.062	31.605.957.620
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	2.544.704	703.000
- Kinh phí công đoàn;	297.459.510	235.275.076
- Bảo hiểm xã hội;	1.365.250.284	1.520.446.392
- Bảo hiểm y tế;	795.693.349	651.158.242
- Bảo hiểm thất nghiệp;	727.280.137	554.100.717
- Phải trả về cổ phần hoá;	12.275.752.901	6.868.009.770
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	73.854.520.177	21.776.264.423
<i>Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại Chúng</i>	<i>40.788.947.396</i>	<i>16.714.345.355</i>
<i>- Chi nhánh Thăng Long</i>	<i>1.350.000.000</i>	<i>3.300.000.000</i>
<i>Tiền đặt cọc sửa nhà tại dự án Westa</i>	<i>3.151.459.333</i>	-
<i>Tiền vay phải trả Công ty CP COMA ĐTPT</i>	<i>10.229.532.090</i>	-
<i>Khu đô thị Công Nghiệp UID</i>	<i>11.021.129.388</i>	-
<i>Tổng công ty Cơ khí Xây dựng tiền lãi vay</i>	<i>3.856.972.738</i>	-
<i>Phí bảo trì phải trả dự án Westa</i>	<i>3.456.479.232</i>	<i>1.761.919.068</i>
<i>Tiền phạt thuế theo Thông báo</i>	<i>89.318.501.062</i>	<i>31.605.957.620</i>
<i>số 5035/TB-TB07-CT ngày 13/3/2015</i>		
<i>của Cục Thuế Hà Nội</i>		
<i>Các khoản phải trả khác</i>		
Tổng	89.318.501.062	31.605.957.620

5.16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước của dự án Westa	3.533.777.988	-
Tổng	3.533.777.988	-

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18 - VĂN PHÒNG CÔNG TY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.17 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG/DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (1)	44.094.190.472	44.094.190.472	43.503.250.000	22.247.681.961	22.838.622.433	22.838.622.433
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế và Xây dựng Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	11.654.478.100	11.654.478.100
Ngân hàng TMCP Đại chúng - Chi nhánh Thăng Long	38.275.000.000	38.275.000.000	38.275.000.000	-	-	-
Vay cá nhân (2)	4.319.190.472	4.319.190.472	3.728.250.000	10.593.203.861	11.184.144.333	11.184.144.333
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đại chúng - Chi nhánh Thăng Long (3)	94.310.602.119	94.310.602.119	4.024.602.119	57.114.000.000	147.400.000.000	147.400.000.000
Quý Bảo vệ môi trường Hà Nội (4)	90.286.000.000	90.286.000.000	-	57.114.000.000	147.400.000.000	147.400.000.000
Quý Bảo vệ môi trường Hà Nội (4)	674.995.000	674.995.000	674.995.000	-	-	-
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	3.349.607.119	3.349.607.119	3.349.607.119	-	-	-
Tổng	138.404.792.591	138.404.792.591	47.527.852.119	79.361.681.961	170.238.622.433	170.238.622.433

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình theo các Hợp đồng Vay ngắn hạn, lãi suất thời điểm hiện tại là 9,7%/năm, mục đích nhằm bổ sung vốn vay lưu động.

(2) Vay cá nhân trong Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm.

(3) Hợp đồng vay dài hạn Tổng Công ty Tài chính - Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng - Chi nhánh Thăng Long) với Công ty Cổ phần Coma 18 theo số Hợp đồng 20/HĐTD-DH/180609 PVFCTL-COMA 18, số tiền vay 201.000.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng theo lãi suất 10,4%/năm. Mục đích khoản vay phục vụ thi công Dự án tòa nhà Westa.

(4) Hợp đồng tín dụng số 18/HĐTD.QMT- TD ngày 30/11/2015, Mục đích vay vốn: Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600m³ ngày đêm tại Cụm Công nghiệp Thanh Oai, Thời hạn cho vay: 07 năm, tính từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến thời điểm cam kết trả nợ, Lãi suất cho vay: 0,45%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18 - VĂN PHÒNG CÔNG TY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	134.399.470.000	7.584.000.000	1.712.986.144	850.006.350	-	(19.394.803.608)	125.151.658.886
Tăng trong năm	-	-	850.006.350	-	-	(61.915.039.894)	(61.065.033.544)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(61.915.039.894)	(61.915.039.894)
Phân loại theo hướng dẫn Thông tư 200/2014	-	-	850.006.350	-	-	-	850.006.350
Giảm trong năm	-	-	-	850.006.350	-	6.495.038.579	7.345.044.929
Giảm khác	-	-	-	-	-	6.495.038.579	6.495.038.579
Phân loại theo hướng dẫn Thông tư 200/2014	-	-	-	850.006.350	-	-	850.006.350
Số dư tại 31/12/2014	134.399.470.000	7.584.000.000	2.562.992.494	-	-	(87.804.882.081)	56.741.580.413
Số dư tại 01/01/2015	134.399.470.000	7.584.000.000	2.562.992.494	-	-	(87.804.882.081)	56.741.580.413
Tăng trong năm	-	-	-	-	6.908.764.000	(32.348.339.855)	(25.439.575.855)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(32.348.339.855)	(32.348.339.855)
Tăng khác (*)	-	-	-	-	6.908.764.000	-	6.908.764.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	1.034.466.089	1.034.466.089
Lương HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	61.200.000	61.200.000
Thuế TNDN phải nộp theo biên bản kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	973.266.089	973.266.089
Số dư tại 31/12/2015	134.399.470.000	7.584.000.000	2.562.992.494	-	6.908.764.000	(121.187.688.025)	30.267.538.469

(*): Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc bổ sung hỗ trợ vốn ngân sách đối với Dự án đầu tư Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp Thanh Oai với giá trị là: 3.518.224.000 đồng.

(*): Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc bổ sung hỗ trợ vốn ngân sách đối với Dự án đầu tư Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp Thanh Oai với giá trị là: 4.843.602.000 đồng.

Tính đến thời điểm 31/12/2015 Công ty đã được hỗ trợ 6.908.764.000 đồng, số còn lại sẽ được hỗ trợ vào năm sau là: 1.453.062.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	68.544.000.000	68.544.000.000
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	65.855.470.000	65.855.470.000
Tổng	134.399.470.000	134.399.470.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	134.399.470.000	134.399.470.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	134.399.470.000	134.399.470.000

Cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	13.439.947	13.439.947
Cổ phiếu quỹ	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.19 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán bất động sản	58.736.772.083	149.589.867.117
Doanh thu hoạt động cơ khí	27.936.833.790	23.533.294.795
Doanh thu khác	1.432.363.849	1.347.999.817
Tổng	88.105.969.722	174.471.161.729

5.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán kinh doanh bất động sản	65.400.490.620	196.467.492.201
Giá vốn hàng bán hợp đồng cơ khí	25.767.770.077	23.533.294.795
Giá vốn hàng bán hoạt động khác	1.037.173.255	2.553.666.146
Tổng	92.205.433.952	222.554.453.142

5.21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	200.870.943	172.863.444
Tổng	200.870.943	172.863.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	226.245.570	314.485.655
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	2.511.473.689	-
Tổng	2.737.719.259	314.485.655

5.23 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí bán hàng	2.024.642.794	1.687.704.181
Chi phí khuyến mại và chi phí bán căn hộ tại dự án Westa	2.024.642.794	1.687.704.181
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.002.669.852	13.103.648.873
Chi phí nhân viên quản lý	5.383.044.000	5.229.758.087
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	287.722.448	548.614.047
Chi phí khấu hao	442.363.320	467.417.129
Thuế, phí, lệ phí	490.718.094	1.531.966.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.837.710.752	3.035.919.400
Chi phí khác bằng tiền	4.561.111.238	2.289.974.069
Tổng	16.027.312.646	14.791.353.054

5.24 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhận bồi thường, hỗ trợ	-	600.000.000
Thanh lý tài sản, vật tư	-	180.000.000
Thu nhập phí dịch vụ, phí gửi xe tại Chung cư La Khê, Westa	1.400.097.921	1.003.777.825
Thu nhập từ đặt cọc khách hàng hủy hợp đồng	-	139.000.000
Thu nhập từ hợp đồng cho thuê kho bãi	362.727.370	-
Thu nhập khác	119.311.186	593.542.530
Tổng	1.882.136.477	2.516.320.355
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa theo biên bản kiểm toán Nhà nước	5.527.476.280	-
Tiền phạt thuế phải nộp theo Thông báo số 5035/TB-TB07 ngày 13/3/2015 của Cục Thuế Hà Nội	3.856.972.738	-
Chi phí dịch vụ tại chung cư La Khê, Westa	1.410.989.805	1.415.093.571
Chi phí khác	243.145.668	-
Tổng	11.038.584.491	1.415.093.571
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(9.156.448.014)	1.101.226.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	958.213.853	1.471.698.747
Tổng		958.213.853	1.471.698.747

Số dư các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Công ty mẹ	Phải thu	5.112.293.958	5.112.293.958
		Trả trước	2.333.839.916	2.486.704.624
		Tiền vay	3.349.607.119	3.349.607.119
		Lãi vay	10.229.532.090	10.229.532.090
		Cổ phần hóa	12.275.752.901	6.868.009.770
		Phụ phí	3.383.309.842	3.383.309.842

6.2 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh sản phẩm cơ khí, kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Cơ khí	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	-	-	8.757.041.517
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	10.198.781.675
Các khoản phải thu	124.954.139.492	-	-	124.954.139.492
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	290.605.538.356	10.036.923.716	-	300.642.462.072
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	15.480.789.643
Tổng tài sản				460.033.214.399
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	12.945.628.694	79.519.640.989	-	92.465.269.683
Phải trả tiền vay	9.843.792.591	128.561.000.000	-	138.404.792.591
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	198.895.613.656
Tổng nợ phải trả				429.765.675.930

